

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v: Tranh chấp về hui.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiệt

2. Ông Sơn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Sơn Thị Hồng N; địa chỉ: ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Lý Khê Ma R; địa chỉ: ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Đồ Thị L; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Kim Sà K; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R trình bày:

Vào năm 2020, bà N và ông R có làm chủ hui cho bà Đồ Thị L tham gia chơi các dây hui như sau:

- Dây thứ nhất (hụi thàng): Dây hụi có 27 chân, bà L tham gia chơi 02 chân 500.000 đồng, mở ngày 15/9/2020. Chân thứ 01, bà L hốt hụi vào lần khai hụi thứ nhất là ngày 15/9/2020 với số tiền là 8.940.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến lần thứ 10 là ngày 15/6/2021 thì bà L ngưng đóng, hụi này mãi vào ngày 15/11/2022, bà L còn nợ 17 lần hụi chết với số tiền là 8.500.000 đồng. Chân thứ hai, bà L đóng hụi đến lần khai hụi thứ 03 là ngày 15/11/2020 thì bà L hốt hụi với số tiền là 9.440.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến lần thứ 10 ngày 15/06/2021 thì bà L ngưng đóng hụi, bà L còn nợ 17 lần hụi chết với số tiền là 8.500.000 đồng. Tổng số tiền bà L còn nợ của dây hụi thứ nhất là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

- Dây thứ hai (hụi thàng): Dây hụi này có 27 chân, bà L tham gia chơi 01 chân 500.000 đồng, mở ngày 15/9/2020, bà L hốt hụi lần thứ nhất vào ngày 15/9/2020 với số tiền là 8.940.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến lần thứ 10 là ngày 15/6/2021 thì ngưng đóng hụi chết, hụi này mãi vào ngày 15/11/2022, bà L còn nợ 17 lần hụi chết với số tiền là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Dây thứ ba (hụi thàng): Dây hụi này có 25 chân, bà L tham gia chơi 02 chân 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2021. Chân thứ nhất, bà L hốt hụi vào lần khai hụi thứ nhất là ngày 15/01/2021 với số tiền là 17.360.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến lần thứ 06 ngày 15/6/2021 thì ngưng đóng hụi, hụi này mãi vào ngày 15/01/2023, bà L còn nợ 19 lần hụi chết với số tiền là 19.000.000 đồng. Chân thứ 02, bà L đóng đến lần khai hụi thứ 03 là ngày 15/3/2021 thì hốt hụi với số tiền là 17.440.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến lần thứ 06 ngày 15/06/2021 thì ngưng đóng, bà L nợ 19 lần hụi chết với số tiền là 19.000.000 đồng. Tổng số tiền dây hụi thứ ba bà L còn nợ 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

- Dây thứ tư (hụi thàng): Dây hụi này có 25 chân, bà L tham gia chơi 02 chân 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2021. Chân thứ 01, bà L hốt hụi lần khai hụi thứ 01 ngày 15/01/2021 với số tiền là 17.360.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến lần thứ 06 là ngày 15/6/2021 thì ngưng đóng, hụi này mãi vào ngày 15/01/2023, bà L còn nợ 19 lần hụi chết với số tiền là 19.000.000 đồng. Chân thứ 02, bà L đóng đến lần khai hụi thứ 02 là ngày 15/02/2021 thì hốt hụi với số tiền là 17.160.000 đồng, sau đó bà L đóng hụi chết đến lần thứ 06 ngày 15/06/2021 thì ngưng đóng, bà L còn nợ 19 lần hụi chết với số tiền là 19.000.000 đồng. Tổng số tiền dây hụi thứ 04 bà L còn nợ là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Tổng số tiền hụi bà L nợ của bốn dây hụi là 101.500.000 đồng, bà L đã trả được số tiền là 15.000.000 đồng, còn nợ lại 86.500.000 đồng (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Bà L hứa thanh toán nhiều lần nhưng không thực hiện. Do vậy, bà N và ông R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Đỗ Thị L và ông Kim Sà K liên đới trả cho bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R tổng số tiền hụi còn nợ là 86.500.000 đồng (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K phải liên đới trả cho bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày 15/01/2023 là 18 tháng với lãi suất 1,66%/tháng thành tiền là 25.846.200 đồng (Hai mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).

- Ngoài ra, buộc bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K phải tiếp tục trả cho bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 15/02/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05-6-2023, bị đơn bà Đồ Thị L trình bày:*

Bà L thống nhất theo trình bày của bà N: Vào ngày 2020, bà L có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi tổng cộng 07 chân hụi của 04 dây hụi. Việc chơi hụi là do bà L chơi, ông Kim Sà K không có tham gia chơi. Sau khi tham gia chơi hụi, bà L đã hót hụi của 07 chân hụi và đóng hụi chết đến khoảng tháng 5 năm 2021, bị dịch bệnh Covid-19 thất nghiệp không có tiền nên ngưng đóng hụi chết cho bà N. Số tiền hót hụi bà L dùng để trả khoản nợ của bà L và ông Kim Sà K vay tiền để làm đám tang của mẹ bà L vào năm 2020, điều trị bệnh và chi tiêu trong gia đình. Hiện tại, bà L còn nợ bà N số tiền hụi chết 86.500.000 đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Bà L đồng ý trả toàn bộ số tiền hụi chết còn nợ cho bà N, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà L yêu cầu xem xét cho bà L được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết số tiền hụi còn nợ, đối với phần tiền lãi đề nghị bà N xem xét không tính.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kim Sà K:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông K tại nơi cư trú do bà Đồ Thị L là vợ sống cùng nhận thay các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án, ông K không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nguyên đơn bà N và ông R thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K phải liên đới trả toàn số tiền hụi còn nợ là 86.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày mất các dây hụi đến ngày xét xử là 3.979.000 đồng, tổng cộng là 90.479.000 đồng (Chín mươi triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa nghiêm. Về quan điểm giải quyết vụ án, xét thấy tại phiên tòa các nguyên đơn thay đổi một phần

yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R yêu cầu Tòa án buộc bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K liên đới trả số tiền hui còn nợ và tiền lãi chậm trả nên xác định lại đây là tranh chấp về hui. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Ngoài ra, tại phiên tòa nguyên đơn bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K liên đới phải có trách nhiệm trả toàn số tiền hui còn nợ là 86.500.000 đồng (T mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả 3.979.000 đồng (Ba triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng), đối chiếu Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn bà N, ông R và bị đơn bà L thống nhất trình bày: Vào năm 2020, bà L tham gia chơi 02 dây hui 500.000 đồng mở ngày 15/9/2020, dây thứ nhất 02 phần, dây thứ hai 01 phần; năm 2021 bà L tham gia chơi 02 dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 15/01/2021, mỗi dây 02 phần. Các phần hui này bà L đã hót hui vào lần khui hui đầu và lần khui hui thứ ba của mỗi dây hui. Sau khi hót hui, bà L có đóng hui chết đến ngày 15/6/2021 thì ngưng đóng hui nên hiện tại bà L còn nợ bà N và ông R số tiền hui chết là 86.500.000 đồng (T mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định bà Đồ Thị L còn nợ bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R số tiền hui là 86.500.000 đồng (T mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) là đúng sự thật. Ngoài ra, tại Biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2023, bị đơn bà L thừa nhận việc chơi hui là do bà L chơi, ông K không có tham gia chơi hui, nhưng số tiền hui hót được bà L dùng để trả khoản nợ vay của bà L và ông K vào năm 2020, phần còn lại dùng điều trị bệnh và chi tiêu trong gia đình. Mặt khác, kể từ khi thụ lý vụ án, ông K không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Theo khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Như vậy, bà L và ông K là vợ chồng, việc bà L chơi hui và sử dụng tiền hui hót được để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ông K biết nhưng không phản đối nên ông K phải có nghĩa vụ liên đới với bà L. Đối chiếu với Điều 274 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì việc bà N và ông R yêu cầu bà L

và ông K liên đới trả số tiền hui còn nợ 86.500.000 đồng (T mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Xét thấy, trong quá trình tổ chức chơi hui giữa các nguyên đơn bà N và ông R với bị đơn bà L thì các bên không có thỏa thuận về lãi. Theo điểm a khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường quy định: *“Trường hợp họ không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp họ trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp”*. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định: *“Lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phân họ phải góp trừ đi giá trị các phân họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó”*. Như vậy, việc các nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền hui phải góp theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định pháp luật. Ngoài ra, các nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tiền lãi chậm trả đối với số tiền hui phải góp tương ứng thời gian từ ngày các dây hui kết thúc (trong đó: 02 dây hui 500.000 đồng mở ngày 15/9/2020, mãn hui ngày 15/12/2020; 02 dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 15/01/2021, mãn hui ngày 15/02/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Từ đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn bà N và ông R về việc buộc bà L và ông K liên đới thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền hui còn nợ bằng số tiền 3.979.000 đồng (Ba triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

[4] Xét về thời hạn và phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đồ Thị L cho rằng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng thanh toán một lần số tiền hui cho bà N và ông R và cam kết trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết số tiền hui còn nợ, nhưng bà N và ông R không đồng ý. Theo khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền”*. Như vậy, các đương sự đã không thỏa thuận được về thời gian và phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của bà L là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện

được chấp nhận. Bị đơn bà Đồ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền phải thanh toán là 4.523.950 đồng (Bốn triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274; Điều 278; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21 và Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R.

Buộc bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R bao gồm:

- Tiền hội còn nợ là 86.500.000 đồng (T mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Tiền lãi chậm trả là 3.979.000 đồng (Ba triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Tổng cộng là 90.479.000 đồng (Chín mươi triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R cho đến khi thi hành án xong, bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đồ Thị L và ông Kim Sà K liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.523.950 đồng (Bốn triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả cho bà Sơn Thị Hồng N và ông Lý Khê Ma R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.809.000 đồng (Hai triệu, tám trăm lẻ chín nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009221 ngày 08 tháng 5 năm 2023

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Luân